BỘ TÀI CHÍNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 07 /2019/TT-BTC	*Hà Nội, ngày 28 tháng 01 năm 2019*

VĂN PHÒNG ĐĐBQH, HĐND VÀ UBND TỈNH TÂY NINH
ĐẾN Số: 525
Ngày: 13/2/19
Chuyển:

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 72/2015/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định áp dụng chế độ ưu tiên trong việc thực hiện thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp

Căn cứ Luật Hải quan ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 29 tháng 11 năm 2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu ngày 06 tháng 4 năm 2016;

Căn cứ Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan; Nghị định số 59/2018/NĐ-CP ngày 20 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan;

Căn cứ Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế; Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Nghị định quy định về thuế;

Căn cứ Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan,

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 72/2015/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định áp dụng chế độ ưu tiên trong việc thực hiện thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 72/2015/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định áp dụng chế độ ưu tiên trong việc thực hiện thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp:

1. Sửa đổi tiêu đề của Điều 6 như sau:

"Điều 6. Thực hiện thủ tục hải quan bằng tờ khai chưa hoàn chỉnh".

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 7 như sau:

"3. Được cơ quan hải quan và các cơ quan kinh doanh cảng, kho bãi ưu tiên làm thủ tục giao nhận hàng hóa trước, ưu tiên kiểm tra giám sát trước".

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 8 như sau:

"**Điều 8. Kiểm tra chuyên ngành**

1. Doanh nghiệp được đưa hàng hóa nhập khẩu về kho của doanh nghiệp để bảo quản trong khi chờ kết quả kiểm tra chuyên ngành, trừ trường hợp pháp luật kiểm tra chuyên ngành quy định hàng hóa phải kiểm tra tại cửa khẩu.

2. Trường hợp cần lấy mẫu để kiểm tra chuyên ngành thì được ưu tiên lấy mẫu hàng hóa trước".

4. Sửa đổi, bổ sung Điều 9 như sau:

"**Điều 9. Thủ tục về thuế**

1. Được hoàn thuế trước, kiểm tra sau. Hồ sơ hoàn thuế thực hiện theo Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ; thủ tục nộp, tiếp nhận, xử lý hồ sơ hoàn thuế thực hiện theo quy định tại Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ, Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 và Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Căn cứ trên kết quả tự tính, tự khai của doanh nghiệp, cơ quan hải quan kiểm tra tính phù hợp về hồ sơ. Thời gian ra quyết định hoàn thuế không quá 01 (một) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ của doanh nghiệp.

2. Thời hạn nộp thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp ưu tiên thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 ngày 06/4/2016.

3. Được ưu tiên khi thực hiện các thủ tục về thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo quy định của pháp luật về thuế.".

5. Sửa đổi địa điểm nộp hồ sơ tại khoản 1 Điều 18 như sau:

"1. Doanh nghiệp đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại Thông tư này, có nhu cầu được áp dụng chế độ ưu tiên, gửi hồ sơ bản giấy đến Tổng cục Hải quan

để được xem xét công nhận. Hồ sơ theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e khoản 1 Điều 18 Thông tư số 72/2015/TT/BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính".

6. Sửa đổi, bổ sung Điều 19 như sau:

"**Điều 19. Thẩm định điều kiện để áp dụng chế độ ưu tiên**

1. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định tại Điều 18 Thông tư này, Tổng cục Hải quan thẩm định, kết luận về việc công nhận doanh nghiệp ưu tiên.

Đối với các trường hợp phức tạp, cần lấy ý kiến các Bộ, ngành liên quan thì thời gian thẩm định có thể được kéo dài nhưng không quá 30 ngày.

2. Thẩm định hồ sơ.

a) Tổng cục Hải quan kiểm tra tính đầy đủ, hợp pháp, hợp lệ hồ sơ của doanh nghiệp và dự án đầu tư trọng điểm nộp theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 18 Thông tư này; đối chiếu thông tin doanh nghiệp cung cấp, thông tin thu thập về doanh nghiệp từ cơ quan thuế và cơ quan hải quan nơi doanh nghiệp có trụ sở chính và nơi doanh nghiệp có hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu với điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên quy định tại Chương III Thông tư này.

b) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị áp dụng chế độ ưu tiên, Tổng cục Hải quan có văn bản thông báo để doanh nghiệp nộp bổ sung.

c) Trường hợp hồ sơ doanh nghiệp không đáp ứng điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên theo quy định, Tổng cục Hải quan có văn bản trả lời doanh nghiệp, nêu rõ lý do không đáp ứng.

d) Trường hợp kết quả kiểm tra hồ sơ doanh nghiệp đáp ứng điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên theo quy định, Tổng cục Hải quan thẩm định thực tế tại doanh nghiệp.

3. Thẩm định thực tế tại doanh nghiệp.

a) Tổng cục Hải quan tổ chức thực hiện thẩm định thực tế tại doanh nghiệp. Nội dung thẩm định thực tế gồm:

a.1) Đối chiếu kết quả kiểm tra thực tế với thông tin khai báo của doanh nghiệp.

a.2) Kiểm tra sau thông quan tại trụ sở người khai hải quan để đánh giá việc tuân thủ pháp luật nếu trong thời gian 24 (hai mươi tư) tháng liên tục, gần nhất tính đến thời điểm doanh nghiệp có văn bản đề nghị công nhận doanh nghiệp ưu tiên, doanh nghiệp chưa được thanh tra hoặc kiểm tra sau thông quan để đánh giá việc tuân thủ pháp luật hải quan, pháp luật thuế.

b) Thời gian thẩm định thực tế tại doanh nghiệp, dự án tối đa 05 (năm) ngày làm việc. Trường hợp phải kiểm tra sau thông quan tại trụ sở người khai hải quan thì thời gian thực hiện theo pháp luật về kiểm tra sau thông quan".

7. Bổ sung Điều 20a như sau:

"Điều 20a. Gia hạn áp dụng chế độ ưu tiên

Trong thời gian 03 (ba) tháng tính đến thời hạn gia hạn áp dụng chế độ ưu tiên, Tổng cục Hải quan căn cứ các thông tin thu thập từ các Cục Thuế, Cục Hải quan tỉnh, thành phố nơi doanh nghiệp có trụ sở chính và nơi doanh nghiệp có hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu về kết quả quản lý, kết quả kiểm tra sau thông quan (nếu có) để quyết định gia hạn".

8. Sửa đổi bổ sung Điều 23 như sau:

"Điều 23. Thẩm quyền công nhận, gia hạn, tạm đình chỉ, đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên

Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan quyết định việc công nhận, gia hạn, tạm đình chỉ, đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên.".

9. Sửa đổi bổ sung Điều 25 như sau:

"Điều 25. Trách nhiệm quản lý của cơ quan hải quan

Tổng cục Hải quan có trách nhiệm tổ chức thực hiện:

1. Quản lý, theo dõi, đánh giá việc chấp hành pháp luật hải quan, pháp luật thuế của doanh nghiệp ưu tiên. Tổng cục Hải quan hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực tuân thủ khi doanh nghiệp có yêu cầu.

2. Hàng năm thu thập thông tin về việc tuân thủ pháp luật thuế, pháp luật hải quan của doanh nghiệp từ Cục Thuế; Cục Hải quan tỉnh, thành phố nơi doanh nghiệp có trụ sở chính và nơi doanh nghiệp có hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu.

3. Kiểm tra việc duy trì các điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên đối với các doanh nghiệp ưu tiên, các dự án đầu tư trọng điểm đã được công nhận và áp dụng chế độ ưu tiên khi dự án hoàn thành và đi vào hoạt động.

4. Áp dụng các chế độ ưu tiên theo quy định tại Thông tư này cho các doanh nghiệp ưu tiên.

5. Thông báo và cập nhật danh sách doanh nghiệp ưu tiên và phối hợp với các doanh nghiệp kinh doanh cảng, kho bãi để thực hiện chế độ ưu tiên cho doanh nghiệp.".

10. Sửa đổi khoản 3, bổ sung khoản 7 Điều 26 như sau:

"3. Trong thời gian 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, doanh nghiệp nộp cho Tổng cục Hải quan báo cáo tài chính, báo cáo kiểm toán của năm trước.".

"7. Thông báo bằng văn bản cho Tổng cục Hải quan quyết định xử lý vi phạm pháp luật về thuế, kế toán của cơ quan có thẩm quyền đối với doanh nghiệp trong thời gian 30 ngày kể từ ngày nhận được quyết định.".

11. Sửa đổi, bổ sung mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 72/2015/TT-BTC ngày 12/5/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính như sau:

a) Sửa đổi mẫu 02a/DNUT, mẫu 03/DNUT, mẫu 04/DNUT, mẫu 05/DNUT, mẫu 06/DNUT.

b) Bổ sung mẫu 03a/DNUT.

Điều 2. Các nội dung bãi bỏ

1. Bỏ cụm từ "phải được thực hiện bằng máy soi" tại khoản 2 Điều 5 Thông tư số 72/2015/TT-BTC ngày 12/5/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Bãi bỏ khoản 5 Điều 7 Thông tư số 72/2015/TT-BTC ngày 12/5/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 28/01/2019

2. Quá trình thực hiện, nếu các văn bản liên quan đề cập tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản mới được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế./.

Nơi nhận:
- Thủ tướng Chính phủ; các Phó TTCP;
- Văn phòng TW Đảng và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí Thư;
- Văn phòng Quốc Hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát Nhân dân Tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Cục Hải quan tỉnh, thành phố;
- Công báo;
- Website Chính phủ;
- Website Bộ Tài chính;
- Website Tổng cục Hải quan;
- Lưu: VT, TCHQ (168).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

BỘ TÀI CHÍNH

Vũ Thị Mai

Mẫu 02a/DNUT

TÊN CÔNG TY ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....
V/v đề nghị áp dụng chế độ ưu tiên

..., ngày ... tháng ... năm...

Kính gửi: Tổng cục Hải quan

Tên công ty:...

Mã số thuế:...

Địa chỉ trụ sở:...

Số ĐT:...; số FAX:...

Website:...

Giấy phép thành lập/ Giấy chứng nhận đầu tư số:.....; cấp lần đầu ngày:...; cơ quan cấp:...

(Nếu có thay đổi, đề nghị kê khai lần thay đổi cuối cùng như ví dụ sau:

Thay đổi lần... ngày:...; cơ quan cấp:...; Nội dung thay đổi:...)

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số:...; cấp lần đầu ngày:...; cơ quan cấp:...

(Nếu có thay đổi, kê khai tương tự như Giấy phép thành lập/ Giấy chứng nhận đầu tư)

Loại hình doanh nghiệp:...

Ngành, nghề kinh doanh:...

Đầu mối đại diện của Công ty:.....; Chức vụ:...; Số điện thoại di động:...; E- mail:...

Doanh nghiệp có hoạt động đầu tư sản xuất, gia công, chế biến tại các quốc gia:...

Quy mô đầu tư (Tổng vốn đầu tư):...

Lĩnh vực đầu tư:...

Loại hình kinh doanh XK, NK:...

Căn cứ điều kiện doanh nghiệp quy định tại Chương III Thông tư số 72/2015/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài chính quy định áp dụng chế độ ưu tiên trong việc thực hiện thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp, Công ty ... đã tự đánh giá, đối chiếu với quy định trên đây, nhận thấy có đủ điều kiện để được công nhận là doanh nghiệp ưu tiên theo quy định tại Thông tư số 72/2015/TT-BTC. Chi tiết:

I. Hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu của Công ty

1. Thực hiện khai hải quan:

□ Trực tiếp khai hải quan và làm các thủ tục khác liên quan đến pháp luật hải quan

□ Thực hiện khai hải quan và làm các thủ tục khác liên quan đến pháp luật hải quan qua đại lý hải quan

Đại lý hải quan thực hiện khai hải quan cho Công ty (tên, mã số thuế, địa chỉ, Giấy chứng nhận đầu tư):... *(Trường hợp khai hải quan qua đại lý làm thủ tục hải quan)*

□ Ý kiến khác *(ví dụ: vừa trực tiếp khai hải quan vừa sử dụng đại lý khai hải quan)*: ...

Loại hình xuất khẩu: ...

Loại hình nhập khẩu:...

Mặt hàng xuất khẩu chính: ...

Mặt hàng nhập khẩu chính: ...

Thị trường xuất khẩu chính: ...

Thị trường nhập khẩu chính: ...

2. Hình thức thanh toán hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu:

Công ty thực hiện thanh toán, giao dịch qua các ngân hàng, tên, số hiệu tài khoản tại ngân hàng:...

II. Thống kê số liệu xuất khẩu, nhập khẩu

Căn cứ thống kê là Khoản ... Điều ... Thông tư số 72/2015/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2015.

Thời gian thống kê từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm…

(ví dụ: thời điểm thống kê là ngày dd/mm/yyyy thì thời gian thống kê là từ ngày 01/01/(yyyy-2) đến ngày dd/mm/yyyy)

Năm báo cáo	Kim ngạch xuất khẩu (USD)				Tổng kim ngạch nhập khẩu (USD)	Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu (USD)
	Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa có xuất xứ Việt Nam (USD)	Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa là nông sản, thủy sản sản xuất hoặc nuôi, trồng tại Việt Nam (USD)	Kim ngạch Xuất khẩu hàng hóa khác (USD)	Tổng kim ngạch xuất khẩu (USD)		
20..						
20..						
20.. *(từ 01/01/20.. đến ngày .../.../20..)*						

III. Về thực hiện thủ tục hải quan, thủ tục thuế điện tử

1. Công ty thực hiện thủ tục hải quan điện tử từ tháng ... năm …

2. Công ty thực hiện thủ tục thuế điện tử từ tháng ... năm ...

IV. Về hạ tầng kỹ thuật ứng dụng công nghệ thông tin

1. Phần mềm kế toán doanh nghiệp đang sử dụng:

2. Hạ tầng kỹ thuật ứng dụng công nghệ thông tin của Công ty đáp ứng các yêu cầu sau:

□ Khai báo hải quan điện tử 24/7

□ Có chương trình công nghệ thông tin quản lý hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu

□ Đáp ứng yêu cầu báo cáo điện tử của cơ quan hải quan

□ Đáp ứng yêu cầu kiểm tra của cơ quan hải quan

□ Các yêu cầu khác: ...

V. Về tuân thủ pháp luật hải quan

Trong 24 tháng trở về trước (tính từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm ...), Công ty ... tự đánh giá là tuân thủ tốt pháp luật hải quan. Căn cứ đánh giá của Công ty là Thông tư ..., Nghị định ..., Luật...

Số lần Công ty ... bị cơ quan hải quan xử phạt vi phạm (nếu có):

(Kê theo từng quyết định xử phạt)

Quyết định xử phạt số: Ngày:
Cơ quan xử phạt:
Hành vi vi phạm:
Số tiền bị xử phạt:
Hình thức phạt bổ sung (nếu có):

VI. Về tuân thủ pháp luật thuế

Trong 24 tháng trở về trước (tính từ ngày … tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm ...), Công ty ... tự đánh giá là tuân thủ tốt pháp luật thuế. Căn cứ đánh giá của Công ty là Thông tư ..., Nghị định …, Luật...

Số lần Công ty ... bị cơ quan thuế xử phạt vi phạm (nếu có):

(Kê theo từng quyết định xử phạt)

Quyết định xử phạt số: Ngày:
Cơ quan xử phạt:
Hành vi vi phạm:
Số tiền bị xử phạt:
Hình thức phạt bổ sung (nếu có):

VII. Về chấp hành pháp luật kế toán, pháp luật kiểm toán:

1. Công ty ... áp dụng chuẩn mực kế toán được Bộ Tài chính chấp nhận. Mọi hoạt động kinh tế được phản ánh đầy đủ trong sổ kế toán.

2. Báo cáo tài chính hàng năm được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán ...

Giấy chứng nhận đầu tư/ Giấy đăng ký kinh doanh của Công ty kiểm toán: số ... cơ quan cấp: ... ngày cấp: ... *(nếu giấy chứng nhận đầu tư có điều chỉnh, kê khai đầy đủ số, cơ quan cấp, ngày cấp, nội dung điều chỉnh theo từng văn bản điều chỉnh)*

3. Ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính được nêu tại Báo cáo kiểm toán: ...

VIII. Về tình hình nợ thuế:

(Kê từng khoản nợ thuế trong hạn, nợ thuế quá hạn đối với tất cả các sắc thuế)

...

IX. Về kết quả hoạt động kinh doanh

Lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo tài chính đã được kiểm toán trong 2 năm xem xét: ...

X. Thông tin về hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý các hoạt động liên quan đến hàng hóa xuất nhập khẩu của Công ty

Công ty cung cấp thông tin theo Bảng câu hỏi đính kèm.

Công ty... xin đảm bảo và chịu trách nhiệm trước pháp luật là những thông tin, tài liệu gửi kèm công văn này là trung thực, chính xác, cam kết chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật và của Thông tư số 72/2015/TT-BTC.

Đề nghị Tổng cục Hải quan xem xét, quyết định công nhận Công ty... là doanh nghiệp ưu tiên./.

(Hồ sơ gửi kèm:...)

GIÁM ĐỐC
(Ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu:...

BẢNG CÂU HỎI ĐÍNH KÈM MẪU 2a/DNƯT

STT	Tiêu chí thẩm định	Doanh nghiệp tự đánh giá		Mô tả chi tiết
		Có	Không	
I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TY				
1	Công ty có quy định cụ thể về chức năng nhiệm vụ của bộ phận xuất nhập khẩu không?			
2	Công ty có quy định cụ thể về chức năng nhiệm vụ của bộ phận pháp chế không?			
3	Công ty có quy định cụ thể về chức năng nhiệm vụ của bộ phận kiểm soát nội bộ không?			
4	Công ty có quy trình quản lý, lưu giữ hồ sơ hải quan và chứng từ kế toán tài chính không?			
5	Công ty có quy trình mua hàng, sản xuất, lưu kho, vận chuyển,… không?			
6	Công ty có quy trình kiểm soát nội bộ không?			
7	Công ty có thực hiện kiểm soát nội bộ hàng năm không?			
II. KIỂM SOÁT AN NINH AN TOÀN				
2.1 Quy định chung về an ninh trong công ty				
8	Các biện pháp đảm bảo an ninh trong công ty có được quy định thành văn bản không?			
9	Các văn bản này có được cập nhật đều đặn để đảm bảo phù hợp với hoạt động của công ty không?			
10	Trường hợp các hoạt động trong công ty được thực hiện ở các nơi khác nhau, các biện pháp về an ninh ở các nơi đó có được thực hiện thống nhất không?			
2.2 An ninh trong vận chuyển hàng hóa				
11	Công ty có đội ngũ vận chuyển hàng hóa không?			
12	Trường hợp thuê dịch vụ ngoài thì công ty vận chuyển có phải tuân thủ các yêu cầu về an ninh của công ty đặt ra đối với chuyến hàng không?			
13	Công ty có các biện pháp theo dõi, ghi nhận hành trình vận chuyển hàng hóa đảm bảo hàng hóa được vận chuyển đúng thời gian, kế hoạch không?			
14	Toàn bộ các chủ thể liên quan trong quá trình vận chuyển hàng hoá được đào tạo, hướng dẫn để đảm bảo an ninh của chuyến hàng không?			
15	Trong vòng 2 năm qua, Công ty có gặp những sự cố liên quan đến an ninh an toàn trong quá trình vận chuyển hàng hóa không? (Nếu có nêu cụ thể)			
16	Công ty có áp dụng các biện pháp để xử lý kịp thời những sự cố nêu trên không?			
17	Công ty có quy trình theo dõi lịch trình container hàng xuất khẩu, nhập khẩu sau khi hàng đã được xếp lên tàu không			

2.3 Kiểm tra container trước khi xếp hàng				
18	Công ty có quy định kiểm tra an toàn container trước khi xếp hàng không?			
19	Công ty có quy định các biện pháp cụ thể để kiểm tra container không? (VD: kiểm tra 7 điểm của container, bản lề, chốt khóa, các vị trí có thể cất giấu hàng trên container,…)			
20	Công ty có biện pháp kiểm soát chì trước và sau sử dụng tránh việc sử dụng bất hợp pháp không?			
21	Công ty có kiểm tra số container đúng với hợp đồng vận chuyển do đối tác thông báo trước không?			
22	Các nội dung kiểm tra nêu trên có được lập thành bảng in sẵn, người kiểm tra tích đầy đủ các nội dung và lưu theo quy định không?			
2.4 An ninh tại các vị trí quan trọng				
23	Công ty có sử dụng hệ thống camera hoặc các biện pháp giám sát tại các khu vực tường rào, cổng ra vào, kho bãi, khu vực sản xuất, khu vực hành chính không?			
24	Công ty có hệ thống đèn chiếu sáng bên trong và bên ngoài tại các khu vực: lối vào, lối ra, bốc xếp dỡ hàng, khu vực nhà kho, hàng rào bảo vệ và nơi để xe không?			
25	Khách ra vào công ty có được yêu cầu xuất trình chứng minh nhân dân hoặc giấy tờ chứng minh mục đính vào công ty không?			
26	Khách di chuyển trong công ty có được nhân viên hộ tống hoặc cấp thẻ nhận diện tạm thời không			
27	Công ty có biện pháp đăng ký, kiểm tra xe chở hàng khi ra, vào công ty không?			
28	Công ty có các khu vực riêng dành cho xe vận chuyển hàng hóa không?			
2.5 Phân quyền di chuyển và làm việc				
29	Công nhân của công ty có được phân quyền di chuyển và làm việc tại các khu vực đúng với nhiệm vụ được phân công không ?			
30	Công ty có biện pháp nhận biết công nhân làm việc ở các khu vực khác nhau không?			
31	Công ty có biện pháp kiểm tra, giám sát việc di chuyển, làm việc trên không? Đặc biệt tại các vị trí quan trọng, nhạy cảm như nhà kho, khu vực bốc xếp hàng hóa,…			
32	Công ty có các biện pháp xử lý đối với những trường hợp cố ý xâm nhập trái phép vào các khu vực đã được phân quyền không?			
2.6 An ninh hệ thống công nghệ thông tin				
33	Công ty có các biện pháp nhằm đảm bảo tính bảo mật và toàn vẹn của hệ thống thông tin liên quan đến hoạt động của công ty không?			
34	Công ty có các biện pháp để ngăn chặn việc truy cập bất hợp pháp, lạm dụng, cố ý phá hủy hoặc làm mất dữ liệu thông tin không?			

35	Công ty có quy định về phân quyền truy cập hệ thống thông tin không?			
36	Tài khoản truy cập vào hệ thống có bắt buộc phải thay đổi theo định kỳ không			
37	Công ty có biện pháp khôi phục dữ liệu trong trường hợp bị mất không?			
38	Công ty có biện pháp xử lý trường hợp cán bộ, công nhân viên cố ý truy cập trái phép vào hệ thống dữ liệu và gây ra các thiệt hại cho công ty không?			
39	Người lao động trong công ty có được tập huấn để đảm bảo an ninh công nghệ thông tin không			
2.7 An ninh nhân sự				
40	Công ty có quy trình/ cơ chế xác minh thông tin về người lao động trước khi tuyển dụng vào các vị trí nhạy cảm mà không vi phạm các quyền cơ bản theo quy định của pháp luật không?			
41	Công ty có thực hiện kiểm tra định kỳ thông tin cơ bản về những nhân viên làm việc tại các vị trí an ninh nhạy cảm không? (nhà kho,khu vực bốc xếp hàng hóa, ...)			
42	Công ty có biện pháp nhận diện nhân viên và yêu cầu tất cả nhân viên đeo thẻ, mặc đồng phục,... trong quá trình làm việc và di chuyển trong công ty không?			
43	Công ty có các biện pháp kiểm soát dành riêng cho những nhân viên tạm thời làm việc tại các vị trí an ninh nhạy cảm không?			
44	Công ty có các khóa đào tạo về an ninh an toàn cho cán bộ, công nhân viên không?			
45	Công ty có biện pháp để ngăn chặn những nhân viên đã chấm dứt hợp đồng lao động truy cập vào hệ thống thông tin và cơ sở vật chất của Công ty không?			
III. TUÂN THỦ PHÁP LUẬT				
46	Công ty có bị cơ quan hải quan xử phạt vi phạm hành chính về thủ tục hải quan với mức phạt bằng tiền vượt quá 50 triệu đồng không?			
47	Công ty có bị cơ quan hải quan/ cơ quan thuế phạt với mức phạt tiền từ 1 lần số tiền thuế ấn định trở lên không?			
48	Công ty có bị cơ quan hải quan phạt với hình thức phạt tịch thu tang vật vi phạm không?			
49	Công ty đã được cơ quan hải quan kiểm tra sau thông quan tại trụ sở công ty chưa?			
50	Theo kết quả kiểm tra sau thông quan gần nhất, công ty có bị truy thu thuế/phạt vi phạm hành chính không?			
IV. KIỂM SOÁT KHAI BÁO HẢI QUAN				
51	Công ty có kiểm tra/ đối chiếu thông tin hàng hóa xuất khẩu/ nhập khẩu với thông tin trên hợp đồng, hóa đơn thương mại, phiếu đóng gói hàng hóa không?			
52	Có quy trình/ thủ tục đảm bảo thông tin nhận được từ khách hàng /đối tác (về tên hàng, chủng loại hàng, số lượng) được báo cáo một cách chính xác và thường xuyên			

53	Trường hợp hàng hóa thiếu, thừa về số lượng hoặc có các dấu hiệu bất thường, dị thường có được công ty điều tra nguyên nhân rõ ràng không?			
54	Công ty có quy trình thông báo cho cơ quan hải quan/ đối tác khi phát hiện thấy thiếu hoặc thừa hàng không?			
55	Hàng hóa nhập khẩu của công ty có đóng gói, sắp xếp đồng nhất trong 1 container không?			
56	Hàng hóa xuất khẩu của công ty có đóng gói, sắp xếp đồng nhất trong 1 container không?			
57	Công ty có quy trình đảm bảo rằng tất cả thông tin về người xuất khẩu, nhập khẩu, hãng vận tải được sử dụng để thông quan hàng hóa là rõ ràng, chính xác, không bị thay đổi hay sai sót không?			
58	Công ty có quy trình đảm bảo rằng thông tin khai trên hệ thống VNACCS đúng như thông tin trên hồ sơ nhập khẩu không			
59	Công ty có quy trình kiểm tra tính đầy đủ của các chứng từ, giấy tờ trong hồ sơ xuất khẩu, nhập khẩu theo quy định không?			
60	Bộ phận xuất nhập khẩu của công ty có nắm được hết các văn bản đang hướng dẫn việc phân loại hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu không?			
61	Công ty có quy trình/ thủ tục xác định/ rà soát lại mã HS đối với hàng hóa đang xuất khẩu, nhập khẩu không?			
62	Đối với hàng hóa mới phát sinh, công ty có chủ trương yêu cầu cơ quan hải quan phân loại, áp mã trước không?			
63	Công ty có lập bảng kê hàng hóa đã xuất khẩu, nhập khẩu và mã HS tương ứng đã khai báo hải quan không?			
V. QUẢN LÝ VIỆC XÁC ĐỊNH TRỊ GIÁ, PHÂN LOẠI MÃ SỐ, XUẤT XỨ, MIỄN THUẾ, SỞ HỮU TRÍ TUỆ				
64	Công ty và đối tác xuất khẩu có mối quan hệ đặc biệt theo quy định của pháp luật hay không?			
65	Người đàm phán các hợp đồng ngoại thương có nắm vững mọi hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu của Công ty không?			
66	Việc đàm phán giá cả có bị hạn chế bởi sự chỉ định/ràng buộc của bên thứ 3 hay không?			
67	Công ty có lưu trữ Bảng chào giá của người bán không?			
68	Công ty có toàn quyền định đoạt đối với hàng hóa sau khi nhập khẩu không?			
69	Ngoài khoản tiền phải thanh toán với người bán theo hóa đơn, hợp đồng, Công ty có phải thanh toán thêm bất kỳ khoản nào khác cho người bán hoặc người thứ 3 do người bán chỉ định để nhập khẩu được các hàng hóa này không?			
70	Công ty có thanh toán nhiều lần cho mỗi lô hàng nhập khẩu không?			
71	Công ty có được đối tác nước ngoài chiết khấu, giảm giá đối với hàng hóa nhập khẩu không?			

72	Việc giảm giá/chiết khấu có được 2 bên ghi nhận bằng văn bản không?			
73	Việc bán hàng sau khi nhập khẩu của Công ty có phải tuân theo quy định nào khác của đối tác không?			
74	Việc ký hợp đồng giữa công ty và đối tác có bên thứ 3 tham gia hay không?			
75	Công ty có thanh toán cho đối tác theo hình thức TTr?			
76	Công ty có thanh toán cho đối tác theo hình thức L/C?			
77	Công ty có thanh toán cho đối tác theo hình thức DP?			
78	Công ty có thanh toán cho đối tác theo hình thức khác không?			
79	Nhãn hiệu của hàng hóa mà công ty mua có thuộc loại hàng hóa do đối tác độc quyền phân phối hay không?			
80	Hàng hóa do công ty nhập khẩu có thuộc loại hàng dễ vỡ, dễ hỏng hóc hay không?			
81	Công ty có trực tiếp phân phối sản phẩm nhập khẩu không?			
82	Công ty có lưu trữ tài liệu/dữ liệu (bao gồm cả dạng dữ liệu điện tử) trong quá trình đàm phán hay không?			
83	Công ty có nhập khẩu hàng hóa từ những quốc gia ký hiệp định ưu đãi về thuế với Việt Nam không?			
84	Công ty có quy trình tự kiểm tra giấy chứng nhận xuất xứ không			
85	Công ty có nộp lại giấy chứng nhận xuất xứ cho cơ quan hải quan sau khi thông quan hàng hóa không?			
86	Bộ phận xuất nhập khẩu của Công ty có đảm bảo hiểu rõ về pháp luật hải quan, pháp luật thuế không?			
VI. QUẢN LÝ HÀNG HÓA NHẬP KHẨU CÓ GIẤY PHÉP, KIỂM DỊCH, KIỂM TRA CHUYÊN NGÀNH				
87	Công ty có nhập khẩu hàng hóa thuộc diện phải xin giấy phép, kiểm dịch, kiểm tra chuyên ngành không?			
88	Công ty có quy trình ghi nhận việc kết thúc kiểm tra và kết quả kiểm tra đối với hàng hóa phải kiểm tra chuyên ngành, kiểm dịch thực vật không?			
89	Công ty có quy trình khai bổ sung thông tin kết quả kiểm tra chuyên ngành, kết quả kiểm dịch lên hệ thống Vnacc không?			
90	Công ty có quy trình xin giấy phép đối với hàng hóa phải xin giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu không			
91	Bộ phận xuất nhập khẩu của Công ty có hiểu rõ các quy định về kiểm dịch, kiểm tra chuyên ngành không?			
92	Công ty có quy trình kiểm soát để đảm bảo không đưa hàng vào sử dụng đối với trường hợp hàng nhập khẩu phải kiểm tra chuyên ngành khi chưa có kết quả kiểm tra không?			
VII. QUẢN LÝ NGUYÊN VẬT LIỆU CỦA HÀNG GIA CÔNG SẢN XUẤT XUẤT KHẨU				
93	Công ty có khu vực kho riêng không?			
94	Công ty có quy trình quản lý kho không?			
95	Công ty có khu vực để xếp riêng vật tư nguyên liệu, bán thành phẩm và thành phẩm trong một kho không?			

96	Công ty có phần mềm tích hợp được dữ liệu của các bộ phận kế toán, bộ phận xuất nhập khẩu, bộ phận sản xuất và bộ phận kho không?			
97	Bộ phận xuất nhập khẩu của Công ty có theo dõi số liệu tồn kho thực tế của nguyên vật liệu, thành phẩm, bán thành phẩm không?			
98	Công ty có lưu định mức sản xuất sản phẩm xuất khẩu thực tế và các chứng từ liên quan đên việc xây dựng định mức dưới dạng dữ liệu điện tử hay không?			
99	Công ty có lưu định mức sản xuất sản phẩm xuất khẩu thực tế và các chứng từ liên quan đên việc xây dựng định mức dưới dạng văn bản không?			
100	Công ty có xây dựng định mức thực tế cho từng công đoạn sản xuất không?			
101	Công ty có bộ phận xây dựng định mức kỹ thuật để sản xuất cho 1 đơn vị sản phẩm không?			
102	Phần mềm quản lý của Công ty có quy đổi được bán thành phẩm ra lượng nguyên vật liệu cấu thành nên được không?			
103	Công ty có quy trình kiểm kê thực tế kho định kỳ không?			
104	Công ty có thực hiện kiểm kê thực tế kho vào thời điểm 31/12 không?			
105	Đối với doanh nghiệp có hoạt động gia công, phiếu xuất kho của Công ty có ghi rõ xuất kho để sản xuất sản phẩm nào không?			
106	Công ty có phần mềm quản lý nguyên phụ liệu, thành phẩm, bán thành phẩm không?			
107	Công ty có quản lý nguyên vật liệu, hàng hóa theo hình thức mã vạch không?			
108	Khi xác định tồn kho thực tế cuối kỳ, Công ty có quy đổi hết thành phẩm, bán thành phẩm ra lượng nguyên vật liệu cấu thành nên không?			
109	Việc quy đổi từ số lượng nguyên phụ liệu, thành phẩm, bán thành phẩm ra trị giá để lập báo cáo quyết toán nguyên liệu, vật tư, thành phẩm sản xuất từ nguồn nhập khẩu có tính theo giá bình quân năm không?			
VIII. VIỆC HỢP TÁC VỚI CƠ QUAN HẢI QUAN				
110	Công ty có từng bị cơ quan hải quan xử lý vi phạm về việc không hợp tác với cơ quan hải quan hay không?			

Mẫu 03/DNUT

BỘ TÀI CHÍNH **TỔNG CỤC HẢI QUAN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: /QĐ-TCHQ	*..., ngày tháng năm*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận doanh nghiệp ưu tiên

TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC HẢI QUAN

Căn cứ Luật Hải quan ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan; Nghị định số 59/2018/NĐ-CP ngày 20 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan;

Căn cứ Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Nghị định quy định về thuế;

Căn cứ Nghị định số … ngày … tháng … năm … của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số … ngày … tháng … năm … của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Hải quan trực thuộc Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông tư số 72/2015/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định áp dụng chế độ ưu tiên trong việc thực hiện thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp; Thông tư số …../2019/TT-BTC ngày…. tháng… năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 72/2015/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định áp dụng chế độ ưu tiên trong việc thực hiện thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp;

Xét hồ sơ đề nghị công nhận doanh nghiệp ưu tiên kèm theo văn bản số... ngày... tháng ... năm ... của Công ty ...;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Kiểm tra sau thông quan tại Tờ trình số ... về việc…,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận doanh nghiệp ưu tiên, áp dụng chế độ ưu tiên theo quy định tại Thông tư số 72/2015/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài chính đối với Công ty .../Dự án…; Mã số thuế:…; Địa chỉ: ...

Điều 2. Công ty ... có trách nhiệm thực hiện các quy định tại Điều ... Thông tư số … ngày … tháng …năm … của Bộ Tài chính và các quy định liên quan của pháp luật.

Điều 3. Thời hạn áp dụng chế độ ưu tiên là 03 năm (ba mươi sáu tháng) kể từ ngày ký Quyết định này. Sau thời hạn này, nếu Công ty đáp ứng các điều kiện quy định thì tiếp tục được áp dụng chế độ ưu tiên.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 5. Công ty ...., Cục trưởng Cục Kiểm tra sau thông quan, Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 5 (để t/hiện);
- Các Phó Tổng cục trưởng (để chỉ đạo);
- Các đơn vị thuộc Tổng cục (để t/hiện);
- Cục Thuế tỉnh ... (để phối hợp);
- Lưu: VT, KTSTQ (3b).

TỔNG CỤC TRƯỞNG

Mẫu 3a/DNUT

BỘ TÀI CHÍNH **TỔNG CỤC HẢI QUAN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: /QĐ-TCHQ	*..., ngày tháng năm*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc gia hạn áp dụng chế độ ưu tiên

TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC HẢI QUAN

Căn cứ Luật Hải quan ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan; Nghị định số 59/2018/NĐ-CP ngày 20 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan;

Căn cứ Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Nghị định quy định về thuế;

Căn cứ Nghị định số … ngày … tháng … năm … của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số … ngày … tháng … năm … của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Hải quan trực thuộc Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông tư số 72/2015/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định áp dụng chế độ ưu tiên trong việc thực hiện thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp; Thông tư số …../2019/TT-BTC ngày…. tháng… năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 72/2015/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định áp dụng chế độ ưu tiên trong việc thực hiện thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Kiểm tra sau thông quan tại Tờ trình số ... về việc…,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Gia hạn áp dụng chế độ ưu tiên theo quy định tại Thông tư số 72/2015/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài chính đối với đối với Công ty ...; Mã số thuế:…; Địa chỉ: ...

Điều 2. Công ty ... có trách nhiệm thực hiện các quy định tại Điều ... Thông tư số … ngày … tháng …năm … của Bộ Tài chính và các quy định liên quan của pháp luật.

Điều 3. Thời hạn áp dụng chế độ ưu tiên là 03 năm (ba mươi sáu tháng) kể từ ngày …. Sau thời hạn này, nếu Công ty đáp ứng các điều kiện quy định thì tiếp tục được gia hạn áp dụng chế độ ưu tiên.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 5. Công ty ...., Cục trưởng Cục Kiểm tra sau thông quan, Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 5 (để t/hiện);
- Các Phó Tổng cục trưởng (để chỉ đạo);
- Các đơn vị thuộc Tổng cục (để t/hiện);
- Cục Thuế tỉnh ... (để phối hợp);
- Lưu: VT, KTSTQ (3b).

TỔNG CỤC TRƯỞNG

Mẫu 04/DNUT

BỘ TÀI CHÍNH **TỔNG CỤC HẢI QUAN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: /QĐ-TCHQ	*....., ngày tháng năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc tạm đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên

TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC HẢI QUAN

Căn cứ Luật Hải quan ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan; Nghị định số 59/2018/NĐ-CP ngày 20 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan;

Căn cứ Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Nghị định quy định về thuế;

Căn cứ Nghị định số … ngày … tháng … năm … của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số … ngày … tháng … năm … của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Hải quan trực thuộc Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông tư số 72/2015/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định áp dụng chế độ ưu tiên trong việc thực hiện thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp; Thông tư số …../2019/TT-BTC ngày…. tháng… năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 72/2015/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định áp dụng chế độ ưu tiên trong việc thực hiện thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Kiểm tra sau thông quan tại Tờ trình số ..., ngày… về việc…,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tạm đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên trong lĩnh vực quản lý nhà nước về hải quan đối với Công ty ...; Mã số thuế:…; Địa chỉ: ...

Lý do:….

Thời gian tạm đình chỉ là … tháng kể từ ngày ký Quyết định.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Công ty ...., Cục trưởng Cục Kiểm tra sau thông quan, Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3 (để t/hiện);
- Các Phó Tổng cục trưởng (để chỉ đạo);
- Các đơn vị thuộc Tổng cục (để t/hiện);
- Cục Thuế tỉnh ... (để phối hợp);
- Lưu: VT, KTSTQ (3b).

TỔNG CỤC TRƯỞNG

Mẫu 05/DNUT

BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC HẢI QUAN
Số: /QĐ-TCHQ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
..., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH
Về việc hủy Quyết định tạm đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên

TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC HẢI QUAN

Căn cứ Luật Hải quan ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan; Nghị định số 59/2018/NĐ-CP ngày 20 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan;

Căn cứ Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Nghị định quy định về thuế;

Căn cứ Nghị định số ... ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số ... ngày ... tháng ... năm ... của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Hải quan trực thuộc Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông tư số 72/2015/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định áp dụng chế độ ưu tiên trong việc thực hiện thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp; Thông tư số ...../2019/TT-BTC ngày.... tháng... năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 72/2015/TT-BTC Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định áp dụng chế độ ưu tiên trong việc thực hiện thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Kiểm tra sau thông quan tại Tờ trình số ..., ngày... về việc...,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy Quyết định số .../QĐ-TCHQ ngày... tháng.... năm... của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan về việc tạm đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên trong lĩnh vực quản lý nhà nước về hải quan đối với Công ty .../ Dự án...; Mã số thuế:...; Địa chỉ: ...

Lý do:....

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Công ty ...., Cục trưởng Cục Kiểm tra sau thông quan, Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3 (để t/hiện);
- Các Phó Tổng cục trưởng (để chỉ đạo);
- Các đơn vị thuộc Tổng cục (để t/hiện);
- Cục Thuế tỉnh ... (để phối hợp);
- Lưu: VT, KTSTQ (3b).

TỔNG CỤC TRƯỞNG

Mẫu 06/DNUT

BỘ TÀI CHÍNH **TỔNG CỤC HẢI QUAN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: /QĐ-TCHQ	*..., ngày tháng năm*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên

TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC HẢI QUAN

Căn cứ Luật Hải quan ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan; Nghị định số 59/2018/NĐ-CP ngày 20 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan;

Căn cứ Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Nghị định quy định về thuế;

Căn cứ Nghị định số ... ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số ... ngày ... tháng ... năm ... của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Hải quan trực thuộc Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông tư số 72/2015/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định áp dụng chế độ ưu tiên trong việc thực hiện thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp; Thông tư số ...../2019/TT-BTC ngày.... tháng... năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 72/2015/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định áp dụng chế độ ưu tiên trong việc thực hiện thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Kiểm tra sau thông quan tại Tờ trình số ..., ngày... về việc...,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên trong lĩnh vực quản lý nhà nước về hải quan đối với Công ty .../ Dự án...; Mã số thuế:...; Địa chỉ: ...

Lý do:.....

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Công ty ...., Cục trưởng Cục Kiểm tra sau thông quan, Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3 (để t/hiện);
- Các Phó Tổng cục trưởng (để chỉ đạo);
- Các đơn vị thuộc Tổng cục (để t/hiện);
- Cục Thuế tỉnh ... (để phối hợp);
- Lưu: VT, KTSTQ (3b).

TỔNG CỤC TRƯỞNG